

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 481 /CTHPH-TTHT

Hải Phòng, ngày 19 tháng 02 năm 2024

V/v giải đáp chính sách thuế

Kính gửi: Công ty TNHH I Steel Hải Phòng

Mã số thuế: 0202230246

Địa chỉ: Lô CN1-3 (Nhà xưởng thuê lại của Công ty TNHH JTS Vina), Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1) thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng.

Cục Thuế TP Hải Phòng nhận được Công văn số 10/CV-ISTEEL đề ngày 29/01/2024 của Công ty TNHH I Steel Hải Phòng, nội dung đề nghị hướng dẫn về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).

Về vấn đề này, Cục Thuế TP Hải Phòng có ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 17 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ (Bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 19 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ) quy định điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:

“đ) Thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, dịch vụ phát sinh ngoài khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và địa bàn ưu đãi thuế không áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 4 và Điều 15, Điều 16 Nghị định này.”;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN:

+ Tại khoản 1 và khoản 6 Điều 15 quy định về thuế suất ưu đãi:

“1. Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm áp dụng đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, khu kinh tế, khu công nghệ cao kể cả khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

...6. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ dự án đầu tư mới; đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được công nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp



nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đối với dự án ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao.”;

+ Tại khoản 1 Điều 16 quy định về các trường hợp áp dụng miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (được sửa đổi bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ):

“a) Thu nhập của doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định này.”;

+ Tại khoản 4 Điều 16 quy định về miễn thuế, giảm thuế:

“4. Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Khoản 1 Điều này được tính từ thời điểm được công nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Trường hợp, trong kỳ tính thuế đầu tiên mà dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh được miễn thuế, giảm thuế dưới 12 (mười hai) tháng, doanh nghiệp được lựa chọn hưởng miễn thuế, giảm thuế đối với dự án đầu tư mới ngay kỳ tính thuế đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được miễn thuế, giảm thuế từ kỳ tính thuế tiếp theo.”;

Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp:

+ Tại khoản 1, khoản 2 Điều 18 quy định về điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:

“1. Các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai.

2. Trong thời gian đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nếu doanh nghiệp thực hiện nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh thì doanh nghiệp phải tính riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm mức thuế suất ưu đãi, mức miễn thuế, giảm thuế) và thu nhập từ hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế để kê khai nộp thuế riêng...”;

+ Tại khoản 3 Điều 18 quy định về các trường hợp không áp dụng ưu đãi thuế TNDN (được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính);

+ Tại khoản 4 Điều 18 quy định về ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện về địa bàn ưu đãi đầu tư (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính):

“4. Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư xác định ưu đãi như sau:

...b) Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn (bao gồm cả khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao) thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi trừ các khoản thu nhập nêu tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều này.

...- Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về địa bàn có phát sinh thu nhập ngoài địa bàn thực hiện dự án đầu tư thì:

(i) Nếu khoản thu nhập này phát sinh tại địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư thì không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện địa bàn.

(ii) Nếu khoản thu nhập này phát sinh tại địa bàn thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư thì được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện địa bàn. Việc xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập này được xác định theo từng địa bàn căn cứ theo thời gian và mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp tại địa bàn thực hiện dự án đầu tư.”;

Căn cứ Công văn số 3720/TCT-CS ngày 01/10/2018 của Tổng cục Thuế quy định về việc trao đổi chính sách thuế.

Căn cứ các quy định nêu trên, Cục thuế TP Hải Phòng hướng dẫn về mặt nguyên tắc như sau:

Trường hợp Công ty TNHH I Steel Hải Phòng thực hiện dự án đầu tư “Dự án I Steel Hải Phòng” theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu số 5470055483 do Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 24/01/2024 tại Lô CN1-3 (Nhà xưởng thuê lại của Công ty TNHH JTS Vina), Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng. Công ty thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai thì ưu đãi về thuế TNDN đối với các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư mới trên địa bàn Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải như sau:

+ Thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư có phát sinh doanh thu.



+ Được miễn thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Trường hợp dự án đầu tư không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới.

Lưu ý: Việc áp dụng ưu đãi về thuế TNDN đối với hoạt động thương mại, dịch vụ phát sinh ngoài địa bàn thực hiện dự án đầu tư đề nghị Công ty nghiên cứu quy định tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ và điểm 8 của Phụ lục ban hành kèm theo Công văn số 3720/TCT-CS ngày 01/10/2018 của Tổng cục Thuế.

Đề nghị Công ty căn cứ vào hồ sơ, tài liệu thực tế, đối chiếu với các quy định pháp luật liên quan để thực hiện theo đúng quy định.

Cục Thuế TP Hải Phòng có ý kiến đề Công ty TNHH I Steel Hải Phòng biết và thực hiện./. *h*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban lãnh đạo cục;
- Phòng: NVDTPC, TTKT2;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT (6b) *h*

